



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
CHƯƠNG DƯƠNG.**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUÔNG DƯƠNG

I. Thông tin chung:	2
1. Thông tin khái quát:	2
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	3
3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	4
4. Định hướng phát triển:	5
5. Các rủi ro:	6
II. Tình hình hoạt động trong năm:	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	8
2. Tổ chức và nhân sự:	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	13
4. Tình hình tài chính:	13
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	14
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	15
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	19
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	19
2. Tình hình tài chính	20
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	22
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	22
5. Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán	22
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	23
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	24
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	24
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành công ty	24
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	25
V. Quản trị công ty:	25
1. Hội đồng quản trị:	25
2. Ban Kiểm soát	31
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	32
VI. Báo cáo tài chính	32
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	33

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG
- Tên tiếng Anh: Chuong Duong Beverages Joint Stock Company
- Tên viết tắt: CDBECO
- Giấy chứng nhận ĐKDN: 0300584564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/06/2004, đăng ký thay đổi lần 17 ngày 30/01/2026. –
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (0283) 836 7518 – (0283) 836 8747
- Số fax: (0283) 836 7176
- Website: www.cdbeco.com.vn
- Mã cổ phiếu: SCD.
- Logo:



- Quá trình hình thành và phát triển:

Năm	Sự kiện
1952	Tiền thân của Công ty là nhà máy Usine Belgique thuộc Tập đoàn B.G.I của Pháp chuyên sản xuất kinh doanh các mặt hàng: bia, nước đá và nước giải khát các loại.
1977	Tập đoàn B.G.I chính thức chuyển nhượng quyền sở hữu và bàn giao toàn bộ nhà máy cho Nhà nước Việt Nam với tên gọi Nhà máy nước ngọt Chương Dương.
1993	Nhà máy nước ngọt Chương Dương được đổi tên thành Công ty Nước giải khát Chương Dương trực thuộc Tổng Công ty Rượu Bia – Nước giải khát Việt Nam (VINABECO)
1996	Công ty liên doanh với Công ty Centrepont Properties Limited (Singapore) thành lập Công ty TNHH trung tâm Mê Linh (Me Linh Point Ltd), xây dựng cao ốc Mê Linh Point với tổng vốn đầu tư là 35.722.600 USD.
2002	Công ty đã phát triển hệ thống đại lý ra các tỉnh miền Tây và miền Trung; Công ty tập trung vào việc đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị và công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh về chất lượng và giá thành sản phẩm.
2003	Công ty Nước giải khát Chương Dương thực hiện việc cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương theo quyết định số

Năm	Sự kiện
	242/2003/QĐ-BCN của Bộ Công Nghiệp ban hành ngày 30/10/2003.
2004	Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 02/06/2004, vốn điều lệ của Công ty là 85 tỷ đồng do Tổng Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn (SABECO) nắm cổ phần chi phối (51%).
2006	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
2019	12/2019, Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương khởi công xây dựng Nhà máy mới tại khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, tỉnh Đồng Nai. Điều này là bước ngoặt quan trọng trong hành trình của Chương Dương để tăng trưởng thị phần và củng cố vị thế trên thị trường.
2022	10/2022, Hoàn thành và đi vào hoạt động dự án “Nhà máy nước giải khát Chương Dương tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 3, tỉnh Đồng Nai
2025	11/2025, Hoàn thành dự án đầu tư Chi nhánh công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương Bình Dương 11/2025, Tái tung sản phẩm Soda Kem

1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh đồ uống sản xuất và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

STT	Mã ngành, nghề	Ngành, nghề kinh doanh
	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).
	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Luật Kinh doanh bất động sản).
	4633 (Chính)	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).
	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

		Chi tiết: Môi giới bất động sản. (trừ đấu giá tài sản, bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất).
	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất, gia công các nhóm sản phẩm sau: Nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai Alkaline Hydrogen và các loại nước uống đóng chai, đóng bình khác; Nhóm đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn; Nhóm nước giải khát có ga, không ga; Nhóm nước giải khát không cồn: nước chanh, nước cam, Cola, nước hoa quả, nước dinh dưỡng,...
	2220	Sản xuất sản phẩm từ Plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic dùng để đóng gói hàng hóa như túi, bao tải, hộp, thùng, hòm, bình lớn chai lọ bằng nhựa
	8292	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884-885).
	4791	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Thực hiện phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).
	4799	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).

- Mạng lưới kinh doanh:

Sản phẩm của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương hiện nay được phân bố khắp các tỉnh, thành từ khu vực Trung Bộ đến Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó tập trung chủ yếu tại khu vực phía Nam, đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh – thị trường trọng điểm của Công ty. Công ty duy trì hệ thống phân phối thông qua các nhà phân phối, đại lý và kênh bán lẻ truyền thống, đồng thời từng bước mở rộng sang các kênh phân phối hiện đại như siêu thị, cửa hàng tiện lợi và thương mại điện tử nhằm nâng cao độ phủ thị trường và khả năng tiếp cận người tiêu dùng.

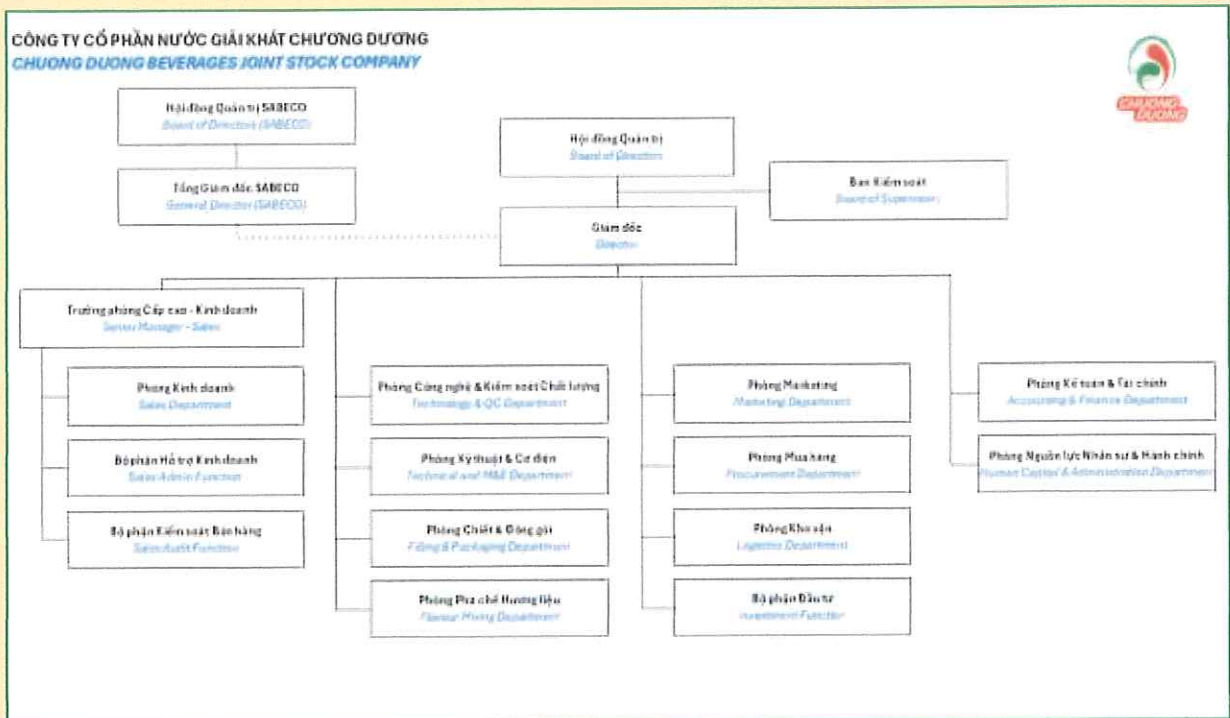
Trụ sở chính: 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những phòng ban liên quan.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương hiện không có Công ty con và Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2025 đối mặt với nhiều bất định về chuỗi cung ứng và sức mua, Chương Dương xác định chiến lược "Tối ưu nội lực – Tái cấu trúc bền vững". Thay vì mở rộng dần trải, Công ty ưu tiên giữ vững thị phần hiện tại và tập trung nguồn lực tối ưu hóa danh mục sản phẩm chủ lực. Chúng tôi lựa chọn các hoạt động kinh doanh trọng điểm, có tính thực tiễn cao nhằm khẳng định lại uy tín thương hiệu Sà Xị truyền thống và đáp ứng nhu cầu sản phẩm dinh dưỡng cốt lõi của người tiêu dùng, đảm bảo hiệu quả lợi nhuận cao nhất trên từng dòng sản phẩm.

Song song đó, Công ty đẩy mạnh lộ trình tái cấu trúc và hoàn thiện bộ máy quy trình theo hướng hiện đại, linh hoạt. Việc chuẩn hóa quy tắc ứng xử và nâng cao năng lực vận hành nội bộ là ưu tiên hàng đầu để thích ứng với xu thế quản trị mới. Bằng cách tập trung nguồn lực, không đầu tư dàn trải vào các dự án mới, Chương Dương cam kết thực thi các mục tiêu kế hoạch một cách tinh gọn, đáng tin cậy, nhằm bảo vệ lợi ích tối đa và tạo đà tăng trưởng ổn định cho Quý Cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

➤ Xây dựng và đa dạng hóa sản phẩm:

Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương không ngừng phấn đấu để từng bước gia tăng thị phần trong ngành sản xuất nước giải khát tại Việt Nam. Công ty tập trung vào việc khẳng định dòng sản phẩm Sà Xị Chương Dương và đa dạng hóa sản phẩm, nhằm tăng cường nhận diện thương hiệu trên thị trường.

➤ Xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả

Để đảm bảo sự phát triển bền vững, công ty không chỉ tập trung vào sản phẩm và kinh doanh mà còn chú trọng vào việc xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả. Công ty liên tục củng cố bộ máy quản lý để hoàn thiện hệ thống Quản Trị Doanh Nghiệp. Điều này giúp Công ty đảm bảo quản lý tài chính, quản trị rủi ro và giám sát chi phí của công ty đạt hiệu quả cao hơn, từ đó góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

- Các mục tiêu phát triển bền vững:

➤ Trách nhiệm xã hội và phát triển kinh tế bền vững

Công ty luôn xác định việc phát triển hoạt động sản xuất – kinh doanh phải gắn liền với trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng. Bên cạnh mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty chú trọng cung cấp các sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng và an toàn thực phẩm, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động.

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, bao gồm các nghĩa vụ về thuế và các khoản đóng góp theo quy định. Thông qua đó, Công ty góp phần vào sự phát triển kinh tế chung và tạo ra giá trị bền vững cho xã hội.

➤ Bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng

Công ty nhận thức rõ vai trò của bảo vệ môi trường trong sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và xã hội. Do đó, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường, đồng thời tăng cường nâng cao ý thức của người lao động trong việc sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường làm việc.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực tham gia và hỗ trợ các hoạt động xã hội, cộng đồng trong khả năng của mình. Các hoạt động này không chỉ góp phần tăng cường sự gắn kết với cộng đồng địa phương mà còn thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, qua đó góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp phát triển bền vững.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro kinh tế:

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng từ các biến động của môi trường kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, biến động tỷ giá, lãi suất và chi phí năng lượng. Trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động, sức mua của người tiêu dùng có thể bị ảnh hưởng, dẫn đến sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng và nhu cầu đối với các sản phẩm nước giải khát. Bên cạnh đó, sự gia tăng chi phí nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển và năng lượng có thể làm tăng chi phí sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, biến động tỷ giá và lãi suất cũng có thể tác động đến chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị cũng như chi phí tài chính của doanh nghiệp.

Để giảm thiểu các tác động từ rủi ro kinh tế, Công ty chủ động theo dõi diễn biến của thị trường và tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất – kinh doanh phù hợp. Đồng thời, Công ty thực hiện các biện pháp quản lý chi phí hiệu quả, tối ưu hóa hoạt động sản xuất, đa dạng hóa nguồn cung nguyên vật liệu và tăng cường kiểm soát chi phí vận hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa danh mục sản phẩm và nâng cao hiệu quả quản trị tài chính nhằm duy trì sự ổn định trong hoạt động và tăng cường khả năng thích ứng trước các biến động của nền kinh tế.

- Rủi ro chính sách và pháp lý:

Hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp từ hệ thống pháp luật ngành thực phẩm và đồ uống vốn đang ngày càng khắt khe. Những thay đổi về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và quy định ghi nhãn dinh dưỡng không chỉ làm phát sinh chi phí đầu tư kiểm định mà còn buộc doanh nghiệp phải linh hoạt điều chỉnh quy trình

sản xuất và bao bì để đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

Rủi ro trọng yếu trong giai đoạn 2025–2026 là lộ trình áp dụng Thuế Tiêu thụ đặc biệt đối với đồ uống có đường và các quy định về Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR). Việc siết chặt quản lý rác thải bao bì và các sắc thuế mới liên quan đến hàm lượng đường đòi hỏi Công ty phải có chiến lược cải tiến công thức sản phẩm và chuyển đổi sang các giải pháp xanh để tối ưu hóa chi phí vận hành và duy trì giá bán cạnh tranh.

Bên cạnh đó, quy định về xuất hóa đơn điện tử minh bạch cho mọi giao dịch cùng các chính sách thuế VAT biến động yêu cầu Công ty phải nâng cấp hạ tầng quản lý tài chính. Sự gia tăng kiểm soát trong hoạt động quảng cáo và sở hữu trí tuệ trên các nền tảng số cũng đặt ra thách thức trong việc bảo vệ uy tín thương hiệu và đảm bảo tính tuân thủ tuyệt đối trong mọi chiến dịch Marketing.

Để giảm thiểu các rủi ro này, Công ty chủ động theo dõi sát các biến động pháp lý, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và hiệp hội ngành nghề. Chúng tôi ưu tiên tái cấu trúc danh mục sản phẩm hiện có theo hướng lành mạnh, đồng thời hoàn thiện bộ máy quy trình nội bộ theo xu thế hiện đại. Việc chuẩn hóa công tác tuân thủ không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro pháp lý mà còn củng cố nền tảng quản trị vững chắc, minh bạch của Chương Dương.

- Rủi ro cạnh tranh:

Trong năm 2025, ngành nước giải khát tại Việt Nam tiếp tục đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt do sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước cùng với sự thay đổi nhanh chóng của xu hướng tiêu dùng. Theo Statista, năm 2025 quy mô thị trường nước giải khát Việt Nam ước đạt khoảng 8,78 tỷ USD, với sản lượng tiêu thụ gần 4,7 tỷ lít, cho thấy đây vẫn là ngành hàng tiêu dùng nhanh có tiềm năng lớn nhưng đồng thời cũng tạo ra áp lực cạnh tranh đáng kể giữa các doanh nghiệp. (Nguồn: *Tạp chí Điện tử Kinh tế Đồ uống: kinhtedouong.vn*)

Bên cạnh đó, Theo thông tin mà Viện nghiên cứu Đồ uống tổng hợp, tăng trưởng toàn ngành đã có dấu hiệu suy giảm/tăng trưởng âm và dấu hiệu này trở nên rõ rệt hơn trong năm 2025 phản ánh sự suy yếu của sức mua và sự thận trọng trong chi tiêu của người tiêu dùng. Khi quy mô thị trường tăng trưởng chậm lại, các doanh nghiệp buộc phải cạnh tranh mạnh hơn để duy trì thị phần thông qua các hoạt động như giảm giá, tăng chi phí marketing, mở rộng kênh phân phối và liên tục đổi mới sản phẩm (Nguồn: *Vietnam.fdi.vn*)

Ngoài ra, thị trường đang chứng kiến sự chuyển dịch rõ rệt trong hành vi tiêu dùng, khi người tiêu dùng ngày càng ưu tiên các sản phẩm tốt cho sức khỏe, ít đường, có nguồn gốc tự nhiên hoặc thân thiện với môi trường. Điều này buộc các doanh nghiệp phải đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, cải tiến công thức và đổi mới bao bì nhằm đáp ứng xu hướng tiêu dùng mới.

Bên cạnh áp lực từ các doanh nghiệp lớn trong ngành, sự gia tăng của các thương hiệu nội địa, sản phẩm thay thế (như nước trái cây, trà đóng chai, nước uống chức năng) và các sản phẩm giá thấp trên thị trường cũng làm gia tăng mức độ cạnh tranh. Đồng thời, các yếu tố chính sách như đề xuất điều chỉnh thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số sản phẩm đồ uống có đường trong tương lai cũng có thể làm thay đổi cấu trúc chi phí và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành.

Trước bối cảnh đó, rủi ro cạnh tranh trong năm 2025 được đánh giá ở mức cao, đòi hỏi doanh nghiệp phải liên tục cải tiến sản phẩm, tối ưu hóa chi phí sản xuất, củng cố hệ thống phân phối và xây dựng thương hiệu mạnh nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh và đảm bảo tăng trưởng bền vững.

Trước bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành nước giải khát và sự thay đổi trong

xu hướng tiêu dùng, Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương đã triển khai nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro cạnh tranh và củng cố vị thế trên thị trường:

- Công ty tập trung mở rộng và củng cố hệ thống phân phối, đặc biệt tại các thị trường trọng điểm nhằm gia tăng độ phủ của sản phẩm và nâng cao khả năng tiếp cận người tiêu dùng. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và đa dạng hóa danh mục sản phẩm, hướng tới các dòng sản phẩm phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại như đồ uống tiện lợi, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.
- Công ty tiếp tục tái cấu trúc hoạt động sản xuất – kinh doanh, tối ưu hóa chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả quản trị nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh. Song song với các giải pháp trên, Công ty chú trọng phát huy giá trị thương hiệu truyền thống của sản phẩm Sả xị Chương Dương, đồng thời tăng cường các hoạt động marketing và xây dựng thương hiệu để duy trì sự nhận diện và lòng tin của người tiêu dùng.

Thông qua các giải pháp đồng bộ này, Công ty hướng tới mục tiêu từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, củng cố vị thế thương hiệu và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

- Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro đã nêu trên, Công ty còn có thể chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, dịch bệnh hoặc các sự cố ngoài tầm kiểm soát. Những sự kiện này thường khó dự báo trước và khi xảy ra có thể gây thiệt hại về con người, tài sản, cơ sở vật chất, đồng thời làm gián đoạn hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.

Nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực từ những rủi ro nêu trên, Công ty luôn chú trọng triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất và vận hành. Công ty thường xuyên thực hiện và duy trì các quy định nghiêm ngặt về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, cứu hộ và cứu nạn, đồng thời tổ chức đào tạo, diễn tập định kỳ để nâng cao ý thức và khả năng ứng phó của người lao động trước các tình huống khẩn cấp.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện mua bảo hiểm cho tài sản, nhà xưởng, thiết bị và người lao động nhằm hạn chế thiệt hại tài chính trong trường hợp xảy ra các sự cố ngoài ý muốn. Thông qua việc triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro, Công ty hướng tới mục tiêu bảo vệ an toàn cho người lao động, tài sản doanh nghiệp và duy trì sự ổn định của hoạt động sản xuất – kinh doanh trước các tình huống bất khả kháng.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm	
			Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần	183.278	160,431	-22,847	-12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-58.830	-73,600	-14,770	25%
Lợi nhuận khác	-7.840	-7,598	242	-3%
Lợi nhuận trước thuế	-66.669	-81,199	-14,530	22%
Lợi nhuận sau thuế	-65.585	-80,362	-14,777	23%

Năm 2025, sản lượng tiêu thụ giảm 15% so với 2024 mặc dù đã tối ưu hóa chi phí sản xuất kinh doanh nhưng doanh thu thuần giảm 12% và lợi nhuận sau thuế lỗ tăng 23% tỷ so với 2024.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán thành phẩm	167,144	87,53%	139,157	83.42%	-27,987	-17%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	373	0,20%	1,636	0.98%	1,263	339%
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	22,613	11,84%	25,840	15.49%	3,227	14%
Doanh thu khác	830	0,43%	180	0.11%	-650	-78%
Tổng doanh thu	190,960	100%	166,812	100%	-24,148	-13%

Tổng doanh thu giảm 13% so với 2024 trong đó doanh thu nước giải khát giảm 17%, mặc dù doanh thu cho thuê nhà kho tại KCN Mỹ Phước 3-Bình Dương tăng 14% so với cùng kỳ 2024.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

ĐVT: Triệu đồng

Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện 2024 (A)	Kế hoạch 2025 (B)	Thực hiện 2025 (C)	% so với cùng kỳ (C-A)/(A)	% so với Kế hoạch (C-B)/(B)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	183.28	260.34	160.43	-12.5%	-38.4%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(65.58)	(80.49)	(80.36)	-22.5%	0.2%

Với các định hướng trong năm 2026, duy trì đà khôi phục để tăng doanh thu, các giải pháp tiết kiệm chi phí sẽ giúp Công ty có lợi nhuận tốt hơn.

2. Tổ chức và nhân sự:

Trong năm 2025, cơ cấu Ban Điều hành của Công ty có sự thay đổi nhân sự ở vị trí Giám đốc. Theo đó, hoạt động điều hành của Công ty trong năm được thực hiện qua hai giai đoạn tương ứng với nhiệm kỳ của hai Giám đốc theo các quyết định bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị.

Trong giai đoạn từ ngày 1/1/2025 đến ngày 15/08/2025, ông Phạm Tấn Lợi giữ chức vụ Giám đốc, chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành các hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty theo định hướng và nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Kể từ ngày 16/08/2025 đến ngày 31/12/2025, theo quyết định của Hội đồng Quản trị, ông Vũ Thành Chung được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc, tiếp tục điều hành hoạt động của Công ty

và triển khai các kế hoạch sản xuất – kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo của năm tài chính 2025.

Việc chuyển giao nhiệm vụ được thực hiện theo đúng quy định quản trị doanh nghiệp và đảm bảo tính liên tục, ổn định trong hoạt động điều hành của Công ty.

a. Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Tấn Lợi	Giám đốc	0 cổ phần	0%
2	Vũ Thành Chung	Giám đốc	0 cổ phần	0%
2	Nguyễn Thúy Phượng	Kế toán trưởng	0 cổ phần	0%

Lý lịch ban điều hành :

➤ **Ông Phạm Tấn Lợi:** Giám đốc CDBECO

Năm sinh 1975

Quốc tịch Việt Nam

Thời gian làm việc 27/7/2023 đến 15/8/2025

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Kinh tế

Kinh nghiệm làm việc

Chức vụ hiện tại:

- Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
- Chủ tịch HĐQT, Công ty liên doanh TNHH Crown Sài Gòn
- Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương
- Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bến Tre
- Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Lâm Đồng
- Giám đốc – Ban Đầu tư, Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn

Chức vụ trước đây:

- Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
- Giám đốc, Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây

➤ **Ông Vũ Thành Chung :** Giám đốc CDBECO

Năm sinh 1980

Quốc tịch Việt Nam

Thời gian làm việc 16/8/2025 đến 15/1/2026

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Luật học

Kinh nghiệm làm việc:

Chức vụ trước đây:

- Chủ tịch HĐQT, Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí
- Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Dịch vụ Logistic Dầu khí Việt Nam
- Chủ tịch kiêm Giám đốc, Công ty cổ phần Công nghệ ASSA

- Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Phân phối Tổng hợp Dầu khí
- Phó giám đốc, Công ty Cổ phần Phân phối Tổng hợp Dầu khí
- Giám đốc, Công ty CP Xuất nhập khẩu Công nghệ Xanh
- Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP Dược liệu TW2
- Chủ tịch kiêm Giám đốc, Công ty CP Dược phẩm Sakae

➤ **Bà Nguyễn Thúy Phượng** – Kế toán trưởng CDBECO

Năm sinh 1976

Quốc tịch Việt Nam

Thời gian làm việc Từ năm 2006 đến hiện tại

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm làm việc:

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty

Chức vụ trước đây: Giám đốc tài chính, Kế Toán trưởng CDBECO

b. Số lượng cán bộ, nhân viên:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	187	100%
1	Đại học	70	37.43%
2	Cao đẳng	18	9.63%
3	Trung cấp	25	13.37%
4	Lao động phổ thông	42	22.46%
5	Khác	32	17.11%
B	Theo giới tính	187	100%
1	Nam	129	68.98%
2	Nữ	58	31.02%
C	Theo hợp đồng lao động	187	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	58	31.02%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	129	68.98%

c. Thu nhập bình quân:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	294	278	239	193	187
Thu nhập bình quân	8.000.000	9.500.000	10.000.000	12.000.000	13.000.000

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
(đồng/người/tháng)					

➤ Chính Sách Tuyển Dụng và Phát Triển:

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai chính sách tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất – kinh doanh và định hướng phát triển dài hạn. Công ty chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm cao, phù hợp với yêu cầu công việc và văn hóa doanh nghiệp.

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo nguyên tắc minh bạch, công bằng và dựa trên năng lực, đảm bảo lựa chọn được những ứng viên phù hợp với từng vị trí. Bên cạnh đó, Công ty ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nội bộ thông qua việc tạo cơ hội thăng tiến và bố trí công việc phù hợp với năng lực của người lao động.

Song song với hoạt động tuyển dụng, Công ty cũng chú trọng đào tạo và phát triển nhân sự, thông qua các chương trình đào tạo chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ nhân viên. Các hoạt động đào tạo được triển khai định kỳ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.

Thông qua các chính sách tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực phù hợp, Công ty hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự ổn định, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

➤ Môi Trường Làm Việc:

Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau, trong đó mọi người lao động đều được ghi nhận và đánh giá công bằng về năng lực và đóng góp. Công ty khuyến khích sự đa dạng trong quan điểm, tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát huy năng lực và đóng góp vào sự phát triển chung của doanh nghiệp.

Môi trường làm việc tại Công ty được xây dựng trên tinh thần hợp tác và gắn kết, khuyến khích sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận và cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả công việc và đạt được các mục tiêu sản xuất – kinh doanh đã đề ra. Đồng thời, Công ty khuyến khích người lao động chủ động đề xuất các ý tưởng cải tiến, sáng kiến trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và thúc đẩy sự đổi mới trong tổ chức.

Bên cạnh đó, Công ty đặc biệt quan tâm đến an toàn lao động và điều kiện làm việc, thường xuyên triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động theo quy định, đồng thời xây dựng môi trường làm việc tích cực nhằm tạo điều kiện để người lao động yên tâm gắn bó và phát huy năng lực.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, bao gồm các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn triển khai thêm các chính sách phúc lợi nhằm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Các chế độ hỗ trợ của Công ty bao gồm hỗ trợ bữa ăn ca, hỗ trợ đi lại, các khoản hỗ trợ khác theo quy định nội bộ, cùng với các hoạt động chăm lo đời sống cho người lao động như quà tặng nhân dịp sinh nhật, lễ, tết và các chương trình phúc lợi tập thể.

Thông qua các chính sách phúc lợi và môi trường làm việc phù hợp, Công ty hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự ổn định, nâng cao sự gắn kết của người lao động và góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Dự án nhà xưởng/nhà kho cho thuê tại KCN Mỹ Phước 3: Tiếp tục thực hiện việc cho thuê với các đối tác trong và ngoài nước. Trong năm 2025, Công ty đã hoàn thành toàn bộ các vấn đề pháp lý và cho thuê với tỷ lệ lấp đầy đạt 100%.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm	
			Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần	183.278	160,431	-22,847	-12%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-58.830	-73,600	-14,770	25%
Lợi nhuận khác	-7.840	-7,598	242	-3%
Lợi nhuận trước thuế	-66.669	-81,199	-14,530	22%
Lợi nhuận sau thuế	-65.585	-80,362	-14,777	23%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,24	0.19
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,16	0.16
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	112	126
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-937	-482
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,31	7.67
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,28	0.27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-35,78	-50.09
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	84,82	50.97
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-10,13	-13.35
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-32,10	-45.88

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần: :

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 8.500.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.477.640 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 22.360 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.500.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông:

(Theo danh sách Chốt cổ đông gần nhất ngày 17/03/2026)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
			(đồng)	
I	Cổ đông trong nước	7.975.180	79.751.800.000	93,83%
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
2	Cá nhân	2.688.050	26.880.500.000	31,62%
3	Tổ chức	5.287.130	52.871.300.000	62,20%
II	Cổ đông nước ngoài	502.460	5.024.600.000	5,91%
1	Cá nhân	46.720	467.200.000	0,55%
2	Tổ chức	455.749	4.557.900.000	5,36%
III	Cổ phiếu quỹ	(22.360)	(223.600.000)	-0,26%
Tổng cộng (I+II+III)		8.500.000	85.000.000.000	100%

c. Danh sách cổ đông lớn :

(Theo danh sách Chốt cổ đông gần nhất ngày 17/03/2026)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	5.261.500	52.615.000.000	62,06%
2	Đỗ Thúy Nhung	594.800	5.948.000.000	7,02%
3	Doãn Thiện Tân	494.160	4.941.600.000	5,83%

d. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

e. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

f. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương không ngừng áp dụng các chính sách và biện pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Hội đồng quản trị đã đề ra các chủ trương rõ ràng và yêu cầu các bộ phận phải tuân thủ nghiêm túc các quy định về luật môi trường, triển khai đầy đủ các chỉ thị và quy định của cấp trên và cơ quan chức năng địa phương.

Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch cụ thể và thường xuyên kiểm tra, báo cáo việc thực hiện các quy định đã ban hành. Sự so sánh giữa các chỉ tiêu năm nay và năm trước được thực hiện để điều chỉnh hợp lý và đạt được mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Đặc biệt, Công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra định mức tiêu hao nhiên liệu và vận hành hệ thống một cách hiệu quả, tránh gây lãng phí nguồn nhiên liệu. Những hoạt động này không chỉ giúp Công ty hiểu rõ hơn về tình hình hoạt động của mình mà còn đóng góp vào việc giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, từ đó thúc đẩy phát triển bền vững của Công ty.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính năm 2025

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương đã sử dụng tổng cộng khoảng 725,122 tấn nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất và đóng gói sản phẩm.

Trong đó bao gồm các nguyên vật liệu chính như: đường, nước, hương liệu, CO₂, chai thủy tinh/chai PET, lon nhôm và bao bì đóng gói khác.

Việc sử dụng nguyên vật liệu được Công ty kiểm soát chặt chẽ theo kế hoạch sản xuất nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng và hạn chế lãng phí.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương chưa sử dụng nguyên vật liệu tái chế làm đầu vào trực tiếp trong hoạt động sản xuất và đóng gói sản phẩm.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất của Công ty luôn gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Công ty duy trì sản xuất các sản phẩm sử dụng bao bì thủy tinh và bao bì nhựa PET có khả năng thu hồi, qua đó triển khai hệ thống thu hồi và tái sử dụng bao bì thông qua mạng lưới phân phối.

Việc tái sử dụng bao bì góp phần kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu nguyên sinh và hạn chế tác động đến môi trường. Công ty sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động thu hồi, tái sử dụng bao bì trong thời gian tới.

Đồng thời, đối với hoạt động tái chế bao bì, Công ty đã ký kết hợp đồng ủy quyền thực hiện trách nhiệm tái chế với Công ty Cổ phần Tái chế Bao bì Việt Nam (PRO Việt Nam) – đơn vị được Bộ Tài nguyên và Môi trường lựa chọn triển khai hoạt động tái chế bao bì tại Việt Nam. Hoạt động này được Công ty duy trì thực hiện hàng năm theo quy định.

Tổng lượng bao bì được thu gom và tái chế trong năm 2025 như sau:

Tên bao bì	Khối lượng (kg)	Giải pháp tái chế
Bao bì giấy, carton	12.832	Sản xuất các sản phẩm giấy (Giấy cuộn tái chế/ Giấy bìa_
Bao bì nhôm	21.957	Sản xuất phôi nhôm sử dụng làm nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp
Bao bì PET cứng	473	Sản xuất xơ Polyester
Bao bì nhựa mềm	838	Sản xuất hóa chất (trong đó có dầu) và các sản phẩm khác (than T4A)

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tiêu thụ năng lượng trực tiếp và gián tiếp năm 2025

Loại năng lượng	Phân loại	Đơn vị	Sản lượng tiêu thụ	Ghi chú
Dầu DO	Trực tiếp	Lít	319,58	Sử dụng cho gia nhiệt (nấu caramel, sản xuất)
Điện	Gián tiếp	kWh	380,660	Điện sản xuất, vận hành thiết bị
Hơi nóng	Gián tiếp	kg	357,310	Mua từ bên ngoài phục vụ sản xuất

Các hoạt động tiết kiệm năng lượng

Sáng kiến	Mô tả	Kết quả đạt được
Thay đèn LED	Thay thế hệ thống chiếu sáng	Giảm tiêu thụ điện
Tối ưu vận hành máy móc	Điều chỉnh quy trình sản xuất	Giảm hao phí năng lượng
Bảo trì thiết bị định kỳ	Nâng cao hiệu suất thiết bị	Tiết kiệm năng lượng
Kiểm soát sử dụng hơi nóng	Tối ưu hóa sử dụng hơi nóng	Giảm tiêu hao nhiên liệu

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương sử dụng năng lượng trực tiếp và gián tiếp phục vụ hoạt động sản xuất, bao gồm dầu DO cho các công đoạn gia nhiệt (trong đó có nấu caramel), điện năng và hơi nóng mua từ bên ngoài. Công ty thực hiện theo dõi và kiểm soát việc tiêu thụ năng lượng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và tối ưu chi phí vận hành.

Đồng thời, Công ty triển khai các sáng kiến tiết kiệm năng lượng như tối ưu hóa vận hành thiết bị, sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm điện và kiểm soát hiệu quả việc sử dụng hơi nóng, góp phần giảm tiêu thụ năng lượng và hạn chế tác động đến môi trường.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Trong năm 2025, lượng nước mà Công ty đã sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất giảm 6% so với định mức nước sử dụng năm 2024, nguồn nước này được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín nghĩa và Công ty Cổ phần Cấp Nước Bến Thành. Công ty không khai thác nguồn nước ngầm để sử dụng, giúp bảo vệ các công trình xây dựng mà còn góp phần bảo vệ nguồn nước và môi trường.

Để tiết kiệm nước và giảm thiểu việc xả thải nước thải gây ô nhiễm môi trường, Công ty đã thiết lập các quy định về sử dụng nước và xử lý nước thải. Công ty cũng tiến hành kiểm tra lượng nước sử dụng hàng ngày để đưa ra các giải pháp và biện pháp xử lý kịp thời; kiểm tra các chỉ tiêu trong nước thải trước khi nước thải kết nối vào hệ thống thoát nước để đảm bảo theo tiêu chuẩn xả thải. Ngoài ra, Công ty luôn nhắc nhở nhân viên về việc sử dụng nước một cách tiết kiệm và hiệu quả, đồng thời luôn luôn quán triệt yêu cầu không xả nước thải trực tiếp ra môi trường mà phải tuân thủ các quy định xử lý. Để tiết kiệm nước và giảm thiểu việc thải nước thải gây ô nhiễm môi trường, Công ty đã thiết lập các quy định về sử dụng và xử lý nước thải. Công ty cũng thường xuyên tiến hành kiểm tra lượng nước sử dụng để đưa ra các giải pháp và biện pháp xử lý kịp thời khi cần thiết.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện thu gom, xử lý và tái sử dụng một phần nước phát sinh trong quá trình sản xuất cho các mục đích phù hợp như vệ sinh, tưới cây và các hoạt động phụ trợ khác.

Việc tái sử dụng nước góp phần giảm nhu cầu khai thác nguồn nước đầu vào và hạn chế tác động đến môi trường. Công ty tiếp tục nghiên cứu và triển khai các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ tái sử dụng nước trong hoạt động sản xuất.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường trong bối cảnh ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương luôn cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công ty đã xây dựng và áp dụng các quy trình kiểm soát chặt chẽ đối với hoạt động quản lý chất thải và xử lý nước thải, nhằm đảm bảo các hoạt động sản xuất không gây tác động tiêu cực đến môi trường và nguồn nước.

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty không phát sinh trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường và không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số lao động của Công ty là 187 người, với thu nhập bình quân khoảng 13 triệu đồng/người/tháng. Nguồn nhân lực được xem là yếu tố quan trọng góp phần

duy trì hoạt động sản xuất – kinh doanh ổn định và hỗ trợ Công ty trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi và nâng cao đời sống của người lao động thông qua việc duy trì môi trường làm việc ổn định, an toàn và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật lao động.

Người lao động tại Công ty được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định, bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, đồng thời được hưởng các chế độ liên quan như ốm đau, thai sản và tai nạn lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn triển khai các chương trình bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn bổ sung nhằm nâng cao mức độ bảo vệ cho người lao động.

Việc thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ phúc lợi không chỉ góp phần đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động mà còn nâng cao sự gắn kết, ổn định nguồn nhân lực, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Trong năm 2025, Công ty đã triển khai tổng cộng 16 khóa đào tạo với 328 lượt người lao động tham gia, bao gồm các chương trình đào tạo chuyên môn, kỹ năng và đào tạo nội bộ phục vụ hoạt động sản xuất và vận hành.

- Số giờ đào tạo trung bình: 34h/tháng

Công ty thực hiện theo dõi hoạt động đào tạo thông qua số lượng khóa học và số lượt người tham gia. Thời lượng đào tạo được xây dựng phù hợp với từng chương trình và đối tượng nhân sự, nhằm đảm bảo hiệu quả tiếp thu và ứng dụng vào công việc.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục:

Công ty triển khai các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc và ý thức tuân thủ quy trình cho người lao động. Các nội dung đào tạo tập trung vào:

- Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ
- Đào tạo an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm
- Đào tạo nội bộ theo quy trình sản xuất và vận hành

Thông qua các chương trình đào tạo, Công ty góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo người lao động có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc và hỗ trợ phát triển nghề nghiệp lâu dài

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn ý thức rõ trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ và phát triển cộng đồng.

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai một số hoạt động hướng đến cộng đồng như hỗ trợ các chương trình an sinh xã hội, đóng góp cho các hoạt động từ thiện và tham gia các chương trình do địa phương phát động.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng xây dựng mối quan hệ hài hòa với cộng đồng thông qua việc tạo việc làm ổn định cho người lao động địa phương, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh không gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của người dân xung quanh.

Các hoạt động đầu tư và hỗ trợ cộng đồng được Công ty thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần nâng cao đời sống xã hội và hướng đến phát triển bền vững.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại, Công ty chưa có các hoạt động về thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện 2024 (A)	Kế hoạch 2025 (B)	Thực hiện 2025 (C)	% so với cùng kỳ (C-A)/(A)	% so với Kế hoạch (C-B)/(B)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	183.28	260.34	160.43	-12,5%	-38,4%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(65.59)	(80.49)	(80.36)	-22,5%	0,2%

Hoạt động kinh doanh của CDBECO khởi sắc vào cuối năm 2025 ở mảng cho thuê kho khi tỷ lệ lấp đầy đạt 99% với các hợp đồng thuê kho dài hạn. Tuy nhiên, mảng kinh doanh mảng Nước giải khát của Công ty vẫn còn nhiều hạn chế trong việc mở rộng thị trường đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông do sự thiếu hụt các nhân sự chủ chốt để phát triển thị trường song song quá trình tái cấu trúc công ty; điều này dẫn đến sản lượng bán hàng thấp hơn cùng kỳ năm ngoái (-15%). Sản lượng bán hàng thấp dẫn đến chi phí sản xuất cao do sản lượng sản xuất chưa đạt đến công suất tối ưu.

Bên cạnh đó, việc mở rộng mạng lưới bán hàng kênh hiện đại khiến chi phí khuyến mãi, chiết khấu tăng thêm

Các nguyên do này dẫn đến khoản lợi nhuận gộp giảm 17,67%. Bên cạnh việc tối ưu chi phí quản lý (-3,8%), chi phí bán hàng tăng 5.56% chủ yếu do chi phí thuê đất năm 2025 cao hơn năm trước 13,5 tỷ đồng (+44%) và mức tăng được giảm trừ nhờ Nghị định 230 giảm 30% tiền thuê đất của chính phủ nhưng khoản giảm trừ này thấp hơn tổng mức giảm trừ được hưởng năm 2024.

Chi phí tài chính tăng 6.9% do tăng chi phí lãi vay năm 2025 khi khoản lãi vay năm 2024 nhập vào nợ gốc do phần lãi chưa được thanh toán. Công ty đang thực hiện dự án tái cấu trúc để nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện dòng tiền, đồng thời tiếp tục khai thác toàn bộ công suất mảng cho thuê kho bên cạnh mở rộng các hoạt động khác (như gia công) nhằm tối ưu hệ thống máy móc và nguồn lực của mảng kinh doanh nước giải khát.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục chú trọng hoàn thiện hệ thống quản trị và tăng cường công

tác quản lý nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Trên cơ sở các cải tiến đã triển khai trong các năm trước, Công ty tiếp tục rà soát và hoàn thiện các quy chế quản lý, quy trình vận hành và cơ cấu tổ chức để phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Công ty duy trì việc phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các phòng ban và bộ phận chức năng, qua đó nâng cao hiệu quả phối hợp trong công việc và đảm bảo các hoạt động sản xuất – kinh doanh được triển khai theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra.

Bên cạnh đó, trong năm 2025, Công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mở rộng thị trường và gia tăng nhận diện thương hiệu. Điểm nhấn nổi bật là việc giới thiệu dòng sản phẩm Chương Dương Soda Kem (Cream Soda), góp phần đa dạng hóa danh mục và đáp ứng kịp thời thị hiếu mới của người tiêu dùng. Để tăng cường trải nghiệm thực tế, Công ty đã tổ chức hiệu quả các chương trình dùng thử sản phẩm (sampling) tại cửa hàng bán lẻ của công ty, giúp quảng bá thương hiệu trực tiếp và mở rộng tệp khách hàng tiềm năng.

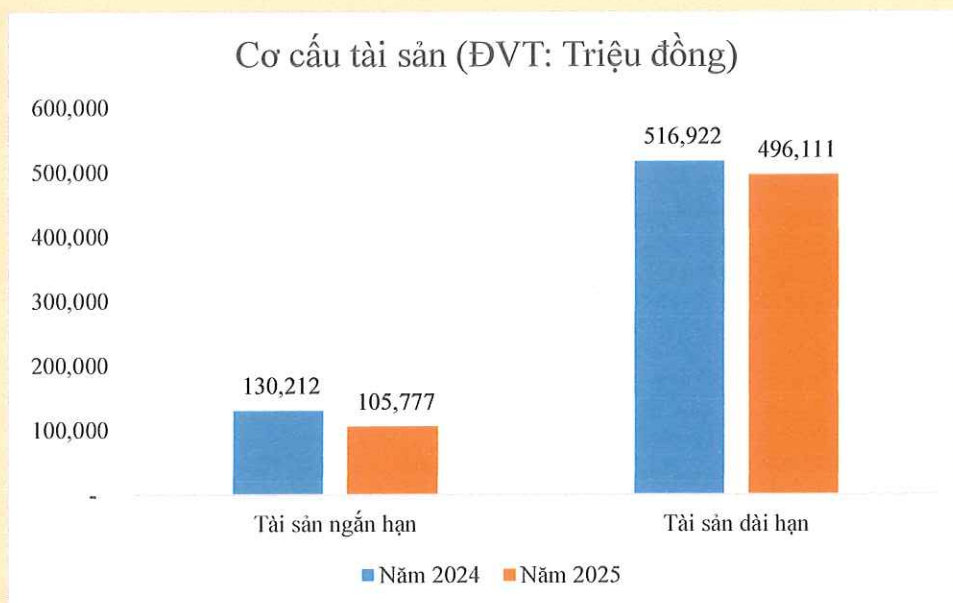
Đặc biệt, nhằm thích ứng với xu hướng tiêu dùng hiện đại, Công ty đã chính thức đẩy mạnh kênh bán hàng thương mại điện tử. Việc vận hành gian hàng trên các nền tảng trực tuyến không chỉ giúp tối ưu hóa khả năng tiếp cận khách hàng mọi lúc mọi nơi mà còn là bước đi chiến lược trong lộ trình số hóa hệ thống phân phối. Tổng hòa các hoạt động trên đã giúp Chương Dương từng bước củng cố năng lực quản trị, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc trên thị trường nước giải khát.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	130,212	20.12%	105,777	17.57%	(24,435)	-18.77%
Tiền và các khoản tương đương tiền	65,872	50.59%	70,709	66.85%	4,837	7.34%
Các khoản phải thu ngắn hạn	7,038	5.41%	9,988	9.44%	2,950	41.91%
Hàng tồn kho	40,854	31.38%	13,960	13.20%	(26,895)	-65.83%
Tài sản ngắn hạn khác	16,447	12.63%	11,120	10.51%	(5,327)	-32.39%
Tài sản dài hạn	516,922	79.88%	496,111	82.43%	(20,811)	-4.03%
Các khoản phải thu dài hạn	7,001	1.35%	7,001	1.41%	-	0.00%
Tài sản cố định	201,907	39.06%	193,509	39.01%	(8,399)	-4.16%
Bất động sản đầu tư	241,307	46.68%	231,039	46.57%	(10,268)	-4.25%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6,500	1.26%	6,500	1.31%	-	0.00%
Tài sản dài hạn khác	60,206	11.65%	58,062	11.70%	(2,144)	-3.56%
Tổng tài sản	647,133	100%	601,888	100%	(45,246)	-6.99%

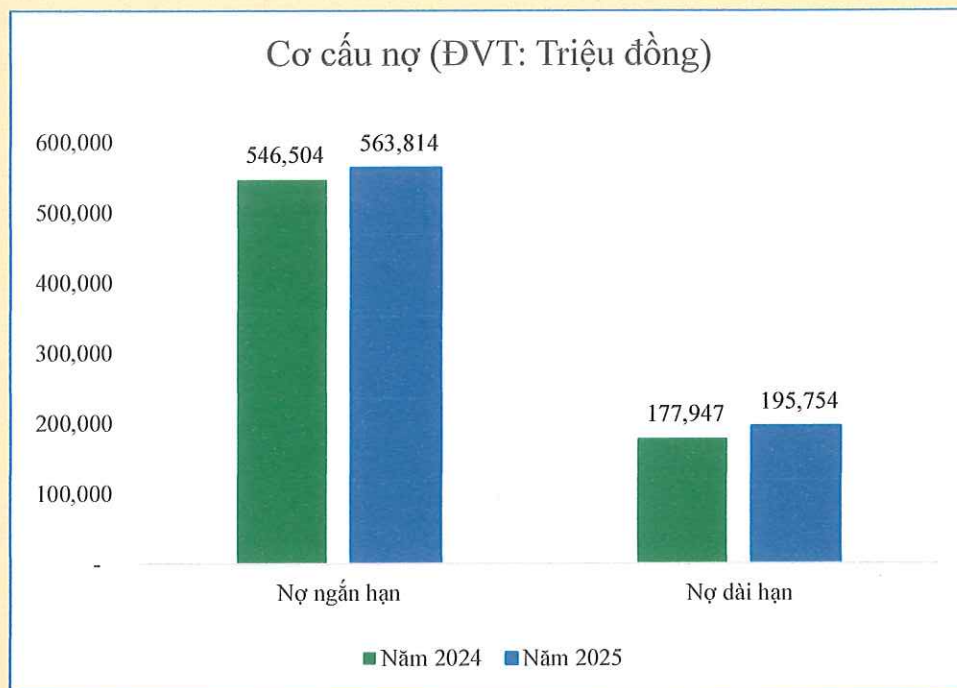


Đến 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty Cổ phần Chương Dương giảm 7% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản ngắn hạn giảm 18,8% và tài sản dài hạn giảm 4%.

b) Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	546,504	75.44%	563,814	74.23%	17,309	3.17%
Phải trả người bán ngắn hạn	41,937	7.67%	35,406	6.28%	(6,531)	-15.57%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	211	0.04%	276	0.05%	65	30.73%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	43	0.01%	521	0.09%	478	1108.18%
Phải trả người lao động	3,329	0.61%	3,263	0.58%	(66)	-1.99%
Chi phí phải trả ngắn hạn	37,126	6.79%	34,765	6.17%	(2,361)	-6.36%
Các khoản phải trả ngắn	748	0.14%	797	0.14%	49	6.50%
Vay và thuê nợ tài chính ngắn hạn	463,104	84.74%	488,780	86.69%	25,676	5.54%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6	0.00%	6	0.00%	-	0.00%
Nợ dài hạn	177,947	24.56%	195,754	25.77%	17,807	10.01%
Phải trả dài hạn khác	5,307	2.98%	24,096	12.31%	18,789	354.03%
Vay và thuê nợ tài chính dài hạn	169,444	95.22%	167,936	85.79%	(1,509)	-0.89%
Dự phòng phải trả dài hạn	3,195	1.80%	3,722	1.90%	527	16.48%
Tổng nợ phải trả	724,451	100%	759,567	100%	35,116	4.85%



Tổng nợ phải trả của công ty năm 2025 được ghi nhận tăng 4,85% so với năm 2024. Ngoài ra, các khoản vay thuê nợ tài chính ngắn hạn tăng 5,54% so với năm 2024. Điều này trở thành trở ngại cho Chương Dương trong việc gia tăng sản xuất, tăng sức cạnh tranh, mở rộng thị phần khi có sự tăng trưởng của ngành nước giải khát.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện một số cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và phù hợp với định hướng tái cấu trúc hoạt động.

Về cơ cấu tổ chức, Công ty tiến hành rà soát, kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các phòng ban và đơn vị trực thuộc.

Về công tác quản lý, Công ty tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản lý chi phí và tối ưu hóa nguồn lực, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các cải tiến này tạo nền tảng cho Công ty nâng cao năng lực quản trị và hướng đến phát triển ổn định, bền vững trong thời gian tới.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Đầu tư, nâng cấp, thay thế trang thiết bị phù hợp nhằm phát triển các dòng sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng. Đảm bảo năng lực cạnh tranh với các đối thủ.
- Phòng Chiết & Đóng gói và Phòng Kỹ thuật & Cơ điện thực hiện các nâng cấp thiết bị / hệ thống nhằm đạt hiệu suất cao hơn, giảm tiêu hao năng lượng, nhân công, tạo ra sản phẩm hoàn thiện hơn và tiết kiệm chi phí hơn.
- Đa dạng hoá sản phẩm để đáp ứng xu hướng phát triển bền vững của Việt Nam và hội nhập thế giới trong việc giảm phát thải, bảo vệ môi trường.

5. Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025, đơn vị kiểm toán Công ty Trách

nhiệm Hữu hạn KPMG chi nhánh Tp. HCM đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy không có ý kiến giải trình thêm.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong năm báo cáo, Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương đã duy trì việc tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan. Các hồ sơ pháp lý về môi trường, bao gồm giấy phép môi trường, báo cáo quan trắc định kỳ và các nghĩa vụ báo cáo, được thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn.

Hệ thống xử lý nước thải của Công ty được vận hành ổn định, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Các chỉ tiêu quan trọng như BOD, COD, TSS và pH đều được kiểm soát trong giới hạn cho phép. Công ty thực hiện quan trắc môi trường định kỳ nhằm giám sát hiệu quả xử lý và kịp thời có biện pháp điều chỉnh khi cần thiết.

Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại, Công ty thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định. Công tác quản lý chất thải nguy hại được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo đầy đủ hồ sơ theo dõi và chứng từ xử lý. Đồng thời, Công ty từng bước tăng cường các giải pháp tái chế, tái sử dụng, đặc biệt đối với bao bì và vỏ chai, phù hợp với đặc thù ngành nước giải khát. Công ty đã chủ động thực hiện trách nhiệm tái chế bao bì theo quy định của pháp luật, thông qua việc ký kết hợp đồng với đơn vị tái chế PRO Vietnam.

Trong hoạt động sản xuất, các nguồn phát thải khí được kiểm soát nhằm đảm bảo tuân thủ quy chuẩn môi trường. Công ty cũng triển khai các biện pháp tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu phát thải. Việc quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước – yếu tố cốt lõi của ngành – luôn được chú trọng, góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty tăng cường đào tạo và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho người lao động, góp phần xây dựng ý thức tuân thủ và trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung, các chỉ tiêu môi trường của Công ty trong kỳ được kiểm soát tốt và đáp ứng yêu cầu pháp luật. Công ty tiếp tục định hướng cải tiến công nghệ, tối ưu hóa quy trình sản xuất và hướng tới phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

Tiêu thụ nước:

Phòng Kỹ thuật thực hiện việc kiểm tra định kỳ các hệ thống ống dẫn nước để phát hiện và khắc phục kịp thời các vấn đề như rò rỉ và thất thoát nước. Điều này không chỉ giúp ngăn chặn lãng phí nguồn nước mà còn đảm bảo rằng Công ty sử dụng nguồn tài nguyên này một cách có hiệu quả nhất có thể, đồng thời đóng góp vào việc bảo vệ môi trường và giữ gìn nguồn nước cho thế hệ tương lai.

Bên cạnh đó, Khối sản xuất Công ty triển khai các giải pháp tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm giảm lượng nước tiêu thụ trên mỗi đơn vị sản phẩm, bao gồm việc cải tiến công nghệ, tái sử dụng nước ở các công đoạn phù hợp và kiểm soát chặt chẽ định mức sử dụng nước trong từng khâu sản xuất.

Ngoài ra, Công ty thực hiện theo dõi, thống kê và đánh giá định kỳ chỉ số tiêu thụ nước, từ đó kịp thời đưa ra các biện pháp điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, hướng tới mục tiêu sản xuất bền vững.

Tiêu thụ năng lượng:

Công ty thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng một cách chặt chẽ, hạn chế sự lãng phí

và sử dụng điện không cần thiết.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2025, Công ty duy trì lực lượng lao động ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và đảm bảo hoạt động vận hành liên tục.

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, bao gồm tiền lương, chế độ bảo hiểm và các phúc lợi liên quan. Môi trường làm việc được duy trì theo hướng an toàn, ổn định và từng bước cải thiện nhằm nâng cao điều kiện làm việc cho người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng công tác đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng cho người lao động, góp phần cải thiện hiệu quả công việc và chất lượng nguồn nhân lực.

Nhìn chung, các vấn đề liên quan đến người lao động được Công ty quản lý và kiểm soát tốt, không phát sinh tranh chấp lao động nghiêm trọng, đảm bảo sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm báo cáo, Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương, xem đây là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động tại địa phương, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, góp phần vào sự phát triển kinh tế – xã hội chung của khu vực. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan, bao gồm Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Bảo vệ môi trường 2020, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất không gây ảnh hưởng tiêu cực đến cộng đồng xung quanh.

Công ty cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, đảm bảo sức khỏe cho người lao động và giảm thiểu các rủi ro ảnh hưởng đến cộng đồng lân cận. Các biện pháp kiểm soát môi trường, an toàn lao động và phòng ngừa sự cố được triển khai nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra ổn định và bền vững.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Sản lượng bán hàng năm 2025 so với cùng kỳ do tình hình tiêu thụ khó khăn và cạnh tranh khốc liệt của thị trường. Biên lợi nhuận, do đó cũng bị sụt giảm do áp lực chi phí cố định. Đây là yếu tố lớn nhất khiến khoản lỗ năm 2025 bị tăng thêm so với 2024.

Dù đã có nhiều nỗ lực, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa đạt kỳ vọng, ghi nhận lỗ lũy kế và áp lực lên vốn chủ sở hữu. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cho Hội đồng quản trị phải có những quyết định kịp thời nhằm cải thiện năng lực tài chính và khả năng tự chủ dòng tiền của Công ty.

Về trách nhiệm môi trường và xã hội, Công ty tiếp tục tuân thủ các quy định pháp luật liên quan, đồng thời duy trì các hoạt động quản lý môi trường, đảm bảo an toàn lao động và thực hiện các chính sách phúc lợi đối với người lao động. Công ty cũng từng bước triển khai các giải pháp tiết kiệm tài nguyên, sử dụng hiệu quả năng lượng và tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, hướng tới phát triển bền vững.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành công ty

Trong năm 2025, Ban Giám đốc đã nỗ lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đảm bảo duy trì hoạt động vận hành liên tục trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn.

Trước áp lực từ sự suy giảm nhu cầu tiêu thụ và chi phí đầu vào gia tăng, Ban Giám đốc đã chủ động thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí, tối ưu hóa nguồn lực và duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Đồng thời, Ban Giám đốc cũng từng bước triển khai các giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty.

Tuy nhiên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm chưa đạt kế hoạch đề ra, phản ánh những thách thức khách quan từ thị trường cũng như yêu cầu cần tiếp tục nâng cao hiệu quả điều hành trong thời gian tới.

Hội đồng quản trị ghi nhận những nỗ lực của Ban Giám đốc, đồng thời yêu cầu Ban Giám đốc tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp tái cấu trúc, nâng cao hiệu quả quản trị, cải thiện năng lực tài chính và tăng cường khả năng thích ứng với biến động của thị trường.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kế hoạch năm 2026

Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện 2025 (A)	Kế hoạch 2026 (B)	Tỷ lệ tăng trưởng theo % (B-A)/(A)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	160.43	228.43	42.4%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(80.36)	(74.01)	7.9%

Hội đồng Quản trị CDBECO định hướng các nhiệm vụ quan trọng sau:

Triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bao gồm kế hoạch kinh doanh năm 2026

CDBECO thực hiện thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh bằng việc tập trung tăng số lượng nhà phân phối tại một số khu vực trọng điểm, điểm bán hàng tiêu dùng và tăng số lượng điểm bán lẻ.

Triển khai thực hiện những chủ trương liên quan đến Dự án đầu tư nhà máy Nhơn Trạch 3 như sẽ được cổ đông thông qua.

IV. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên và không có sự thay đổi về nhân sự trong kỳ. Cơ cấu Hội đồng quản trị được duy trì ổn định, đảm bảo tính liên tục trong công tác quản trị và điều hành định hướng chiến lược của Công ty.

STT	Thành viên	Chức vụ	SL cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Phạm Tấn Lợi	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%

STT	Thành viên	Chức vụ	SL cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
3	Trần Đức Hòa	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0%
4	Lê Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%
5	Đặng Trung Kiên	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có nền tảng chuyên môn, kinh nghiệm và kỹ năng đa dạng, phù hợp với yêu cầu quản trị doanh nghiệp trong từng giai đoạn phát triển. Sự kết hợp giữa các thành viên điều hành và thành viên độc lập góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả giám sát và chất lượng ra quyết định của Hội đồng quản trị.

Thông tin chi tiết về từng thành viên Hội đồng quản trị được trình bày tại các phần tiếp theo của Báo cáo.

1.1. Ông Tan Teck Chuan Lester

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh 1966

Quốc tịch Singapore

Thời gian làm việc Từ ngày 13/10/2023

Trình độ học vấn và Chuyên môn

- Thạc sĩ Khoa học chuyên ngành Marketing, Đại học Thành phố New York, New York, Mỹ
- Cử nhân Kinh tế và Khoa học Chính trị, Đại học Willamette, Oregon, Mỹ
- Leadership Campus, INSEAD, Fontainebleau, Pháp
- Leadership Campus, Đại học Harvard, Boston, Mỹ

Kinh nghiệm làm việc

➤ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT - Chang International Co., Ltd
- Chủ tịch, Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
- Chủ tịch, Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam
- Chủ tịch, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn
- Chủ tịch, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trung Tâm Mê Linh
- Chủ tịch, Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

➤ Chức vụ trước đây:

- Phó Chủ tịch Cấp cao/Giám đốc Điều hành Ngành hàng Đồ uống Không cồn, Thai Beverage Public Company Limited
- Tổng Giám đốc ngành Bia Thái Lan, Chang Beer Company Limited
- Tổng Giám đốc ngành Bia Thái Lan, Chang International Co., Ltd.
- Phó Tổng Giám đốc - Đồ uống không cồn (Thái Lan), Fraser and Leave Limited
- Chủ tịch, Sermasuk Public Company Limited
- Giám đốc, Great Brands Limited
- Giám đốc, Sermasuk Training Co., Ltd.
- Giám đốc, Sermasuk Holding Co., Ltd.
- Giám đốc, Sermasuk Beverage Co., Ltd.
- Giám đốc, Wrangyer Beverage (2008) Co., Ltd.

- Phó Tổng Giám đốc Điều hành - Vận hành, Thai Drinks Co., Ltd
- Thành viên HĐQT, BeerCo Training Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành, Cash Van Management Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành, Modern Trade Management Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành, Horeca Management Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành, Traditional Trade Management Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT/Thành viên Ủy ban Điều hành, Thai Drinks Co., Ltd

1.2. Ông Phạm Tấn Lợi

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh 1975
 Quốc tịch Việt Nam
 Thời gian làm việc Từ ngày 24/4/2023

Trình độ học vấn và Chuyên môn:

Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm làm việc:

- Chức vụ hiện tại:
 - Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
 - Chủ tịch HĐQT, Công ty liên doanh TNHH Crown Sài Gòn
 - Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương
 - Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bến Tre
 - Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Lâm Đồng
 - Giám đốc – Ban Đầu tư, Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn
- Chức vụ trước đây:
 - Thành viên HĐQT, Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
 - Giám đốc, Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây

1.3. Ông Trần Đức Hòa

Thành viên HĐQT

Năm sinh 1959
 Quốc tịch Việt Nam
 Thời gian làm việc Từ ngày 24/4/2023

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Chức vụ trước đây:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương
 - Giám đốc Điều hành Hành chính – Pháp chế Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
 - Chánh Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
 - Trưởng phòng Tổ chức Công ty Bia Sài Gòn.

1.4. Ông Lê Tuấn

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh 1961
 Quốc tịch Việt Nam

Thời gian làm việc Từ ngày 24/4/2023

Trình độ học vấn và Chuyên môn:

Tiến sỹ Quản trị kinh doanh

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư mạo hiểm (VC invest)
- Chức vụ trước đây:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Đồ uống và Thực phẩm Mekong
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty TNHH MTV DTPT Thủy điện Nam Leng
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần DTPT Mũi Né – Marina

1.5. Ông Đặng Trung Kiên

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh 1955
Quốc tịch Việt Nam
Thời gian làm việc Từ ngày 24/4/2023

Trình độ học vấn và Chuyên môn:

Cử nhân Luật Kinh tế

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Tại CDBECO, HĐQT luôn hành động trên cơ sở có đầy đủ thông tin vì lợi ích cao nhất và lâu dài của Công ty, một cách có thiện chí, miễn cán và cẩn trọng vì lợi ích của tất cả cổ đông.

Vai trò, trách nhiệm và cam kết của HĐQT được quy định Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Những quy định này được ĐHCĐ thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2022 và được công bố tại website của công ty.

HĐQT xem xét và phê duyệt chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, các phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền.

HĐQT đã và đang thể hiện tốt vai trò giám sát Công ty trong việc theo dõi tính hiệu quả của công tác quản trị, việc tuân thủ pháp luật hiện hành. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Điều hành trong điều hành công việc kinh doanh của CDBECO.

Các thành viên HĐQT tham gia thảo luận tại các cuộc định ký hàng quý cũng như đóng góp ý kiến thông qua các lần lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp chính thức trong năm như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Phạm Tấn Lợi	Thành viên HĐQT không điều hành	4/4	100%
3	Trần Đức Hòa	Thành viên HĐQT Không điều hành	4/4	100%
4	Lê Tuấn	Thành viên HĐQT Độc lập	4/4	100%

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
5	Đặng Trung Kiên	Thành viên HĐQT Độc lập	4/4	100%

Tính đến ngày 31/12/2025 HĐQT đã ban hành 15 Nghị quyết

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐQT	16/01/2025	1. Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
02	Nghị quyết 02/2025/NQ-HĐQT	17/02/2025	1. Thông qua kết quả KD quý 4/2024 chưa được kiểm toán 2. Thông qua việc ủy quyền cho giám đốc CDBECO ký kết các hợp đồng giao dịch trong hệ thống Sabeco từ năm 2025 (khi có nhu cầu) và xem xét các điều khoản để chống xung đột lợi ích trong các hợp đồng giao dịch này.
03	Nghị quyết 03/2025/NQ-HĐQT	1/4/2025	1. Thông qua kế hoạch 2025 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 phê duyệt. 2. Thông qua các tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 phê duyệt. Thông qua báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty KPMG. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả kinh doanh năm 2024 và các chỉ tiêu kế hoạch 2025. Thông qua hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 Thông qua Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho Công ty trong năm tài chính 2025 Thông qua Tờ trình việc phân phối lợi nhuận năm 2024. Thông qua Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2024. Thông qua Tờ trình kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 của HĐQT và BKS. Thông qua việc bổ sung sửa đổi mã ngành nghề kinh doanh và trên Điều lệ Điều khoản thi hành.
04	Nghị quyết 03A/2025/NQ-HĐQT	2/04/2025	1. Thông qua chủ trương tái cấu trúc Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương (CDBECO) theo mô hình đề xuất.
05	Nghị quyết 03B/2025/NQ-HĐQT	2/04/2025	1. Phê duyệt chủ trương khoản vay mới từ Sabeco cho giai đoạn 2025-2026 với hạn mức vay là 110 tỷ.
06	Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐQT	10/4/2025	1. Thông qua Bổ sung tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
07	Nghị quyết 05/2025/NQ-HĐQT	18/4/2025	2. HĐQT thông qua Hiệu chỉnh tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau: Rút nội dung Tài liệu tờ trình “Phê duyệt khoản vay mới từ Sabeco cho giai đoạn 2025–2026” ra khỏi chương trình Đại hội cổ đông thường niên 2025.
08	Nghị quyết 06/2025/NQ-HĐQT	6/5/2025	1. Thông qua số liệu của Ban Điều hành Công ty về kết quả kinh doanh của quý 1/2025 (số liệu chưa được kiểm toán) để công bố thông tin
09	Nghị quyết 07/2025/NQ-HĐQT	23/6/2025	1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Lắp đặt hệ thống bồn chứa đường Fructose lỏng
10	Nghị quyết 08/2025/NQ-HĐQT	29/7/2025	1. Thông qua công tác tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
11	Nghị quyết 09/2025/NQ-HĐQT	12/8/2025	1. Thông qua việc ủy quyền cho Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để: <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Cập nhật địa chỉ trụ sở chính và các chi nhánh trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; 1.2. Thực hiện thủ tục thay đổi con dấu của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương và chấm dứt hiệu lực của con dấu cũ. 2. Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc gia hạn 2 khoản vay từ Sabeco <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Phê duyệt gia hạn khoản nợ vay gốc 138 tỷ cùng với lãi nhập gốc liên quan 2.2. Phê duyệt gia hạn khoản nợ vay gốc 288 tỷ cùng với lãi nhập gốc liên quan
12	Nghị quyết 10/2025/NQ-HĐQT	16/8/2025	1. Chấp thuận đơn từ nhiệm chức vụ Giám đốc của Ông Phạm Tấn Lợi kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2025 2. Bổ nhiệm Ông Vũ Thành Chung giữ chức vụ Giám đốc và là Người đại diện pháp luật thứ hai của Công ty thay thế Ông Phạm Tấn Lợi, hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2025
13	Nghị quyết 11/2025/NQ-HĐQT	20/11/2025	1. Thông qua đề xuất về việc tạm giao nhiệm vụ Quyền Phó Giám đốc đối với Ông Vũ Văn Thi
14	Nghị quyết 12/2025/NQ-HĐQT	28/11/2025	1. Thông qua đề xuất về việc phê duyệt Sổ tay phân quyền gồm Sổ tay phân quyền điều chỉnh và sổ tay phân quyền hoạt động Bất động sản
15	Nghị quyết 13/2025/NQ-HĐQT	18/12/2025	1. Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2025, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty đã thực hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đóng vai trò tham mưu và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành một cách khách quan, góp phần đảm bảo tính minh bạch

trong quản trị và hạn chế các xung đột lợi ích có thể phát sinh.

Trong năm, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, tích cực đóng góp ý kiến và đề xuất định hướng phát triển, kế hoạch kinh doanh của Công ty. Đồng thời, các thành viên thực hiện chức năng giám sát thông qua việc theo dõi, đánh giá các báo cáo của Ban Điều hành, đảm bảo hoạt động điều hành phù hợp với định hướng và quy định tại Điều lệ Công ty.

Với vai trò giám sát độc lập, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các cổ đông và tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của Công ty.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành
1	Nguyễn Phước Thoại	Trưởng BKS	0 Cổ phần	0%	Không có
2	Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên BKS	0 Cổ phần	0%	Không có
3	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên BKS	0 Cổ phần	0%	Không có

b. Những thay đổi trong Ban kiểm soát trong năm 2025: Không có

c. Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Phước Thoại	Trưởng BKS	2/2	100%	
2	Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên BKS	2/2	100%	
3	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên BKS	2/2	100%	

Ban kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số cuộc họp	Ngày	Nội dung
1	Cuộc họp lần 1	31/03/2025	- Thống nhất ý kiến: “Kế hoạch hoạt động ban kiểm soát trong kỳ năm 2025”. - Thống nhất: “Báo cáo hoạt động Ban Kiểm Soát năm 2024” để trình cho Đại hội đồng cổ đông.

STT	Số cuộc họp	Ngày	Nội dung
2	Cuộc họp lần 2	20/12/2025	Kiểm tra, soát xét sơ bộ tình hình sản xuất kinh doanh 11 tháng năm 2025. - Tình hình và kết quả hoạt động công ty đến 30/11/2025. - Báo cáo kết quả soát xét và quản trị rủi ro về Ban điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương, thưởng và các phúc lợi khác
Hội đồng quản trị				
1	Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch HĐQT	100%	
2	Phạm Tấn Lợi	Thành viên HĐQT	100%	
3	Trần Đức Hòa	Thành viên HĐQT	100%	
4	Đặng Trung Kiên	Thành viên HĐQT độc lập	100%	
5	Lê Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	100%	
Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Phước Thoại	Trưởng BKS		98%
2	Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên BKS	100%	
3	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên BKS	100%	
Ban điều hành				
1	Phạm Tấn Lợi	Giám đốc	-	
2	Vũ Thành Chung	Giám đốc	100%	
2	Nguyễn Thúy Phượng	Kế toán trưởng	100%	

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ : Theo mục 38 của Báo cáo tài chính

V. Báo cáo tài chính

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY *thanh*
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN THÚY PHƯỢNG



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0300584564
0300584564

ngày 24 tháng 7 năm 2017
ngày 8 tháng 11 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300584564 ngày 30 tháng 1 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch
Ông Trần Đức Hòa	Thành viên
Ông Đặng Trung Kiên	Thành viên
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
Ông Lê Tuấn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Thoại	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thúy Phụng	Giám đốc (từ ngày 16 tháng 1 năm 2026) Kế toán trưởng (đến ngày 15 tháng 1 năm 2026)
Ông Vũ Thành Chung	Giám đốc (từ ngày 16 tháng 8 năm 2025 đến ngày 15 tháng 1 năm 2026)
Ông Phạm Tấn Lợi	Giám đốc (đến ngày 15 tháng 8 năm 2025)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thúy Phụng	Giám đốc (từ ngày 16 tháng 1 năm 2026)
Ông Vũ Thành Chung	Giám đốc (từ ngày 16 tháng 8 năm 2025 đến ngày 15 tháng 1 năm 2026)
Ông Phạm Tấn Lợi	Giám đốc (đến ngày 15 tháng 8 năm 2025)

Trụ sở đăng ký

Số 606, Đường Võ Văn Kiệt
Phường Cầu Ông Lãnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, với sự hỗ trợ liên tục từ công ty mẹ, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thúc Phụng
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 4 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00486-26-1



Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 4 năm 2026

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		105.776.537.831	130.211.636.337
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	70.709.113.114	65.872.295.390
Tiền	111		35.709.113.114	15.872.295.390
Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.987.729.186	7.038.215.450
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.792.049.187	8.041.275.144
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.307.350	342.617.853
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.298.418.401	717.414.776
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7	(2.154.476.903)	(2.063.092.323)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12.431.151	-
Hàng tồn kho	140	8(a)	13.959.588.012	40.854.156.051
Hàng tồn kho	141		14.858.391.601	41.811.889.154
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(898.803.589)	(957.733.103)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.120.107.519	16.446.969.446
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		514.829.613	751.515.340
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.183.849.822	15.442.003.290
Thuế phải thu Nhà nước	153		421.428.084	253.450.816

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		496.111.074.711	516.921.702.765
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.001.000.000	7.001.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	7.001.000.000	7.001.000.000
Tài sản cố định	220		193.508.693.052	201.907.434.402
Tài sản cố định hữu hình	221	10	46.952.881.994	50.121.069.803
Nguyên giá	222		117.741.794.725	114.990.874.725
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.788.912.731)	(64.869.804.922)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	146.555.811.058	151.786.364.599
Nguyên giá	225		173.582.726.065	173.582.726.065
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(27.026.915.007)	(21.796.361.466)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
Nguyên giá	228		1.300.192.426	1.300.192.426
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.300.192.426)	(1.300.192.426)
Bất động sản đầu tư	230	13	231.039.255.659	241.306.813.811
Nguyên giá	231		257.975.775.291	257.975.775.291
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.936.519.632)	(16.668.961.480)
Tài sản dở dang dài hạn	240	14	966.314.367	2.240.671.822
Xây dựng cơ bản dở dang	242		966.314.367	2.240.671.822
Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.500.000.000	6.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	6.500.000.000	6.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		57.095.811.633	57.965.782.730
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	51.267.839.008	52.935.359.736
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		5.788.499.697	4.951.513.114
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8(b)	39.472.928	78.909.880
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		601.887.612.542	647.133.339.102

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		759.567.163.733	724.451.205.799
Nợ ngắn hạn	310		563.813.543.962	546.504.274.414
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	35.405.880.008	41.937.356.637
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		276.112.228	211.212.827
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	521.364.168	43.152.777
Phải trả người lao động	314		3.262.600.000	3.328.932.871
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	34.765.156.191	37.125.954.790
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	796.978.321	748.323.821
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21(a)	488.779.802.912	463.103.690.557
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.650.134	5.650.134
Nợ dài hạn	330		195.753.619.771	177.946.931.385
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	24.095.642.669	5.307.070.229
Nợ thuê tài chính dài hạn	338	21(b)	167.935.888.117	169.444.430.406
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	3.722.088.985	3.195.430.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		(157.679.551.191)	(77.317.866.697)
Vốn chủ sở hữu	410	23	(157.679.551.191)	(77.317.866.697)
Vốn cổ phần	411	24	85.000.000.000	85.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(347.276.838)	(347.276.838)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	104.569.834.944	104.569.834.944
Lỗ lũy kế	421		(346.902.109.297)	(266.540.424.803)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(266.540.424.803)	(200.955.682.716)
- Lỗ năm nay	421b		(80.361.684.494)	(65.584.742.087)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		601.887.612.542	647.133.339.102

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Người lập:


Bùi Thị Kim Chi
Người phụ trách Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Thủy Phụng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu	01	27	166.812.395.373	190.960.239.369
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	6.381.714.643	7.681.891.554
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	160.430.680.730	183.278.347.815
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	119.022.332.926	132.982.602.008
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		41.408.347.804	50.295.745.807
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.879.920.966	2.994.014.832
Chi phí tài chính	22	30	43.341.305.744	40.530.053.743
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		43.314.870.689	40.520.889.937
Chi phí bán hàng	25	31	52.713.898.621	49.936.055.948
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	20.833.339.498	21.653.295.474
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(73.600.275.093)	(58.829.644.526)
Thu nhập khác	31	33	596.509.841	2.790.281.219
Chi phí khác	32	34	8.194.905.825	10.630.130.387
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(7.598.395.984)	(7.839.849.168)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(81.198.671.077)	(66.669.493.694)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	36	(836.986.583)	(1.084.751.607)
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(80.361.684.494)	(65.584.742.087)
Lỗ trên cổ phiếu				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	37	(9.479)	(7.736)

Ngày 6 tháng 4 năm 2026.

Người lập:


Bùi Thị Kim Chi
Người phụ trách Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Thúy Phương
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ kế toán trước thuế	01		(81.198.671.077)	(66.669.493.694)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		21.417.219.502	21.324.155.701
Các khoản dự phòng	03		1.185.707.736	787.454.756
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(8.958.679)	(4.896.154)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.870.962.287)	(3.842.197.153)
Chi phí lãi vay	06		43.314.870.689	40.520.889.937
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(17.160.794.116)	(7.884.086.607)
Biến động các khoản phải thu	09		1.734.243.104	(826.164.455)
Biến động hàng tồn kho	10		27.126.186.606	(20.054.561.815)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		10.343.505.504	18.338.221.037
Biến động chi phí trả trước	12		1.904.206.455	2.252.662.373
			23.947.347.553	(8.173.929.467)
Tiền lãi vay từ thuê tài chính đã trả	14		(16.890.763.183)	(16.158.150.632)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(6.067.553.221)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(759.846.536)	(577.506.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.296.737.834	(30.977.139.570)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và quyền sử dụng đất	21		(2.270.892.105)	(11.099.989.481)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	895.436.818
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		-	(40.000.000.000)
Tiền thu hồi gửi tiền gửi có kỳ hạn	24		-	40.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.187.647.219	2.896.513.760
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(83.244.886)	(7.308.038.903)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính	34		(1.383.983.751)	(1.229.396.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.383.983.751)	(1.229.396.182)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		4.829.509.197	(39.514.574.655)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		65.872.295.390	105.381.973.891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61		7.308.527	4.896.154
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	70.709.113.114	65.872.295.390

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Người lập:


Bùi Thị Kim Chi
Người phụ trách Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Thủy Phương
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Ngày 25 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 71/2006/GCNCP-CNTTLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006 với mã giao dịch là SCD.

Ngày 5 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định số 180/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực từ ngày 6 tháng 5 năm 2024.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 462/QĐ-SGDHN ngày 8 tháng 5 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là SCD.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống; sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống; xây dựng và cung cấp kho bãi cho thuê.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 187 nhân viên (1/1/2025: 193 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế trong năm của Công ty là 80.362 triệu VND (2024: 65.585 triệu VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 458.037 triệu VND và tổng nợ phải trả vượt quá tổng tài sản là 157.680 triệu VND (1/1/2025: lần lượt là 416.293 triệu VND và 77.318 triệu VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 21(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 2 – 23 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 2 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 2 – 8 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 7 năm |

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(ii) Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

(g) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 25 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được thuyết minh trong phần chính sách kế toán 3(e).

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán năm trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước giải khát. Hoạt động khác là nắm giữ bất động sản đầu tư chờ tăng giá và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi.

Các mảng kinh doanh của Công ty như sau:

2025	Nước giải khát VND	Thuê VND	Tổng VND
Tổng doanh thu bộ phận thuần	134.590.539.755	25.840.140.975	160.430.680.730
Giá vốn hàng bán bộ phận	(107.809.523.937)	(11.212.808.989)	(119.022.332.926)
Chi phí bán hàng bộ phận	(52.713.898.621)	-	(52.713.898.621)
Kết quả của bộ phận	(25.932.882.803)	14.627.331.986	(11.305.550.817)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(20.833.339.498)
Doanh thu từ hoạt động tài chính không phân bổ			1.879.920.966
Chi phí tài chính không phân bổ			(43.341.305.744)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh			(73.600.275.093)
Kết quả từ các hoạt động khác			(7.598.395.984)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			836.986.583
Lãi thuần sau thuế			(80.361.684.494)

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Nước giải khát VND	Thuê VND	Tổng VND
Tài sản của bộ phận			
Phải thu của khách hàng	7.560.841.378	1.076.730.906	8.637.572.284
Hàng tồn kho, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	13.999.060.940	-	13.999.060.940
Phải thu dài hạn khác	7.001.000.000	-	7.001.000.000
Tài sản cố định	193.508.693.052	-	193.508.693.052
Bất động sản đầu tư	-	228.631.005.659	228.631.005.659
Chi phí phải trả dài hạn	945.213.565	50.322.625.443	51.267.839.008
Tài sản không phân bổ			98.842.441.599
Tổng tài sản			601.887.612.542
Nợ phải trả của bộ phận			
Phải trả người bán	25.716.380.008	9.689.500.000	35.405.880.008
Trả trước của khách hàng	276.112.228	-	276.112.228
Chi phí phải trả	2.256.155.227	27.837.235.261	30.093.390.488
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.508.542.288	-	1.508.542.288
Nợ thuê tài chính dài hạn	167.935.888.117	-	167.935.888.117
Phải trả ngắn hạn khác	531.192.000	-	531.192.000
Phải trả dài hạn khác	20.000.000	24.075.642.669	24.095.642.669
Nợ phải trả không phân bổ			499.720.515.935
Tổng nợ phải trả			759.567.163.733
2024	Nước giải khát VND	Thuê VND	Tổng VND
Tổng doanh thu bộ phận thuần	160.665.015.254	22.613.332.561	183.278.347.815
Giá vốn hàng bán bộ phận	(123.057.612.631)	(9.924.989.377)	(132.982.602.008)
Chi phí bán hàng bộ phận	(49.936.055.948)	-	(49.936.055.948)
(Lỗ)/lợi nhuận gộp của bộ phận	(12.328.653.325)	12.688.343.184	359.689.859
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(21.653.295.474)
Doanh thu từ hoạt động tài chính không phân bổ			2.994.014.832
Chi phí tài chính không phân bổ			(40.530.053.743)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh			(58.829.644.526)
Kết quả từ các hoạt động khác			(7.839.849.168)
Chi phí thuế thu nhập			1.084.751.607
Lỗ thuần sau thuế			(65.584.742.087)

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Nước giải khát VND	Thuê VND	Tổng VND
Tài sản của bộ phận			
Phải thu của khách hàng	2.294.893.004	3.683.289.817	5.978.182.821
Hàng tồn kho, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	40.933.065.931	-	40.933.065.931
Phải thu dài hạn khác	7.001.000.000	-	7.001.000.000
Tài sản cố định	201.907.434.402	-	201.907.434.402
Bất động sản đầu tư	-	238.898.563.811	238.898.563.811
Chi phí phải trả dài hạn	962.812.149	51.972.547.587	52.935.359.736
Tài sản không phân bổ			99.479.732.401
Tổng tài sản			647.133.339.102
Nợ phải trả của bộ phận			
Phải trả người bán	32.247.856.637	9.689.500.000	41.937.356.637
Trả trước của khách hàng	211.212.827	-	211.212.827
Chi phí phải trả	5.489.507.515	27.837.235.261	33.326.742.776
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.383.983.750	-	1.383.983.750
Nợ thuê tài chính dài hạn	169.444.430.406	-	169.444.430.406
Phải trả ngắn hạn khác	488.102.000	-	488.102.000
Phải trả dài hạn khác	20.000.000	5.287.070.229	5.307.070.229
Nợ phải trả không phân bổ			472.352.307.174
Tổng nợ phải trả			724.451.205.799

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	42.059.755	41.120.731
Tiền gửi ngân hàng	35.667.053.359	15.831.174.659
Các khoản tương đương tiền	35.000.000.000	50.000.000.000
	70.709.113.114	65.872.295.390

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 4,75% mỗi năm (1/1/2025: từ 2% đến 4,75% mỗi năm).

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thực phẩm Tân Gia Hân	4.726.087.907	-
Công ty TNHH Lốp Kumho Việt Nam	1.040.720.765	2.971.947.115
Công ty Cổ phần Song Mã Việt	456.922.900	456.922.900
Các khách hàng khác	4.568.317.615	4.612.405.129
	10.792.049.187	8.041.275.144

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	50.813.021	615.988.069
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	152.381.545	240.389.650
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	3.402.005	-
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	312.610	2.745.850

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 10 ngày đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2025				1/1/2025	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nợ quá hạn						
Công ty TNHH Một Thành Viên						
Thạch Thuận Thành	Trên 3 năm	250.657.220	(250.657.220)	-	250.657.220	(250.657.220)
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trên 3 năm	322.620.177	(322.620.177)	-	322.620.177	(322.620.177)
Ông Lý Hoàng Phi	Trên 3 năm	155.999.833	(155.999.833)	-	155.999.833	(155.999.833)
	Từ 2 năm					
Công ty Cổ phần Song Mã Việt	đến 3 năm	319.846.030	(319.846.030)	-	228.461.450	(228.461.450)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	1.105.353.643	(1.105.353.643)	-	1.105.353.643	(1.105.353.643)
		2.154.476.903	(2.154.476.903)	-	2.063.092.323	(2.063.092.323)

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho****(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	8.647.674.291	(284.665.313)	15.972.626.511	(122.161.161)
Công cụ và dụng cụ	2.000.699.868	(614.138.276)	1.900.253.649	(835.571.942)
Thành phẩm	4.210.017.442	-	23.939.008.994	-
	14.858.391.601	(898.803.589)	41.811.889.154	(957.733.103)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 899 triệu VND (1/1/2025: 958 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển và khó bán.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	957.733.103	1.562.892.388
Dự phòng trích lập trong năm	313.017.684	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(371.947.198)	(605.159.285)
Số dư cuối năm	898.803.589	957.733.103

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	1.468.573.016	(1.429.100.088)	1.641.262.069	(1.562.352.189)

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.562.352.189	398.199.598
Dự phòng trích lập trong năm	23.330.862	1.595.864.356
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(156.582.963)	(431.711.765)
Số dư cuối năm	1.429.100.088	1.562.352.189

9. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đặt cọc để thuê nhà xưởng dài hạn	7.000.000.000	7.000.000.000
Đặt cọc khác	1.000.000	1.000.000
	7.001.000.000	7.001.000.000

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	8.913.958.699	96.609.836.461	8.235.438.142	1.231.641.423	114.990.874.725
Tăng trong năm	-	825.825.000	-	101.930.000	927.755.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản đang dở	-	1.823.165.000	-	-	1.823.165.000
Số dư cuối năm	8.913.958.699	99.258.826.461	8.235.438.142	1.333.571.423	117.741.794.725
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.387.717.168	48.803.968.411	7.029.032.785	649.086.558	64.869.804.922
Khấu hao trong năm	335.599.917	4.930.551.402	602.793.612	50.162.878	5.919.107.809
Số dư cuối năm	8.723.317.085	53.734.519.813	7.631.826.397	699.249.436	70.788.912.731
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	526.241.531	47.805.868.050	1.206.405.357	582.554.865	50.121.069.803
Số dư cuối năm	190.641.614	45.524.306.648	603.611.745	634.321.987	46.952.881.994

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 50.022 triệu VND (1/1/2025: 46.307 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	173.582.726.065
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	21.796.361.466
Khấu hao trong năm	5.230.553.541
Số dư cuối năm	27.026.915.007
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	151.786.364.599
Số dư cuối năm	146.555.811.058

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy vi tính và nhãn hiệu hàng hóa đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Bất động sản đầu tư

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	228.631.005.659	238.898.563.811
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.408.250.000	2.408.250.000
	231.039.255.659	241.306.813.811

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

**Nhà cửa,
vật kiến trúc
VND**

Nguyên giá

Số dư đầu năm và số dư cuối năm 255.567.525.291

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm 16.668.961.480

Khấu hao trong năm 10.267.558.152

Số dư cuối năm 26.936.519.632

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm 238.898.563.811

Số dư cuối năm 228.631.005.659

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm nhà kho xây sẵn cho thuê tọa lạc tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 thể hiện quyền sử dụng đất ở Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê và các bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	2.240.671.822	972.859.822
Tăng trong năm	548.807.545	1.267.812.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.823.165.000)	-
Số dư cuối năm	966.314.367	2.240.671.822

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Dự án nhà máy Củ Chi	650.756.138	650.756.138
Phí đăng ký nhãn hiệu	107.331.429	107.331.429
Hệ thống Bồn chứa Đường Fructose	-	1.267.812.000
Các công trình khác	208.226.800	214.772.255
Số dư cuối năm	966.314.367	2.240.671.822

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2025 và 1/1/2025		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	1.105.000	5,525%	6.500.000.000	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	51.972.547.587	962.812.149	52.935.359.736
Tăng trong năm	-	928.770.611	928.770.611
Phân bổ trong năm	(1.649.922.144)	(946.369.195)	(2.596.291.339)
Số dư cuối năm	50.322.625.443	945.213.565	51.267.839.008

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam	15.081.943.197	19.283.348.943
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	9.689.500.000	9.689.500.000
Các nhà cung cấp khác	10.634.436.811	12.964.507.694
	35.405.880.008	41.937.356.637

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam	15.081.943.197	19.283.348.943
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	21.428.179	22.110.596
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa Be Co	-	794.329.560
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	68.860.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn trừ/hoàn trả trong năm VND	Phân loại lại sang thuế phải thu VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	13.840.193.424	(278.462.662)	(13.561.730.762)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.157.906.103	(919.558.555)	(116.535.310)	(26.301.772)	95.510.466
Thuế nhà đất	-	30.974.520.336	(31.168.799.376)	-	194.279.040	-
Thuế khác	43.152.777	395.170.097	(12.469.172)	-	-	425.853.702
	43.152.777	46.367.789.960	(32.379.289.765)	(13.678.266.072)	167.977.268	521.364.168



Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	27.837.235.261	27.837.235.261
Chi phí lãi vay	4.671.765.703	3.799.212.014
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.568.488.383	2.462.392.737
Chi phí vận chuyển và bốc dỡ	283.952.900	692.327.353
Chi phí phải trả khác	403.713.944	2.334.787.425
	34.765.156.191	37.125.954.790

20. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	531.192.000	488.102.000
Cổ tức phải trả	241.910.549	241.910.549
Các khoản phải trả khác	23.875.772	18.311.272
	796.978.321	748.323.821

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận ký quỹ dài hạn	24.095.642.669	5.307.070.229

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2025	Biến động trong năm		31/12/2025
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	461.719.706.807	25.551.553.817	-	487.271.260.624
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.383.983.750	1.508.542.289	(1.383.983.751)	1.508.542.288
	463.103.690.557	27.060.096.106	(1.383.983.751)	488.779.802.912

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn, công ty mẹ	VND	6,3% - 7%	487.271.260.624	461.719.706.807

Các khoản vay này không được bảo đảm.

(b) Nợ thuê tài chính

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nợ thuê tài chính	169.444.430.406	170.828.414.156
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.508.542.288)	(1.383.983.750)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	167.935.888.117	169.444.430.406

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	16.101.530.820	14.592.988.532	1.508.542.288
Trong vòng hai đến năm năm	64.406.123.280	56.936.920.621	7.469.202.659
Sau năm năm	370.335.208.861	209.868.523.402	160.466.685.459
	450.842.862.961	281.398.432.555	169.444.430.406
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	16.101.530.820	14.717.547.070	1.383.983.750
Trong vòng hai đến năm năm	64.406.123.280	57.553.643.777	6.852.479.503
Sau năm năm	386.436.739.680	223.844.788.777	162.591.950.903
	466.944.393.780	296.115.979.624	170.828.414.156

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	3.195.430.750	3.772.937.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	1.286.504.771	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(759.846.536)	(577.506.250)
Số dư cuối năm	3.722.088.985	3.195.430.750

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024					
Lỗ thuần trong năm	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	(200.955.682.716)	(11.733.124.610)
	-	-	-	(65.584.742.087)	(65.584.742.087)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	(266.540.424.803)	(77.317.866.697)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(80.361.684.494)	(80.361.684.494)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	(346.902.109.297)	(157.679.551.191)

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	85.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	22.360	347.276.838
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	8.477.640	84.776.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	705.626.200	517.194.000
Từ hai đến năm năm	2.822.504.800	2.068.776.000
Sau năm năm	12.380.962.500	13.288.341.000
	15.909.093.500	15.874.311.000

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

		31/12/2025	1/1/2025
	Đơn vị	Số lượng	Số lượng
		VND	VND
Nước giải khát	Lít	325.477 6.363.106.382	372.458 7.034.012.673

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	1/1/2025
	Nguyên	Nguyên
	tệ	tệ
	Tương đương	Tương đương
	VND	VND
▪ USD	655 21.771.760	668 16.891.859
▪ EUR	485 14.732.776	485 12.639.361
	36.504.536	29.531.220

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và cho thuê kho, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	139.156.609.836	167.144.018.832
▪ Cung cấp dịch vụ cho thuê	25.840.140.975	22.613.332.561
▪ Doanh thu khác	1.815.644.562	1.202.887.976
	<hr/> 166.812.395.373	<hr/> 190.960.239.369
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	6.381.714.643	7.681.891.554
	<hr/> 160.430.680.730	<hr/> 183.278.347.815

28. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Thành phẩm đã bán	108.001.705.552	122.498.619.325
Cung cấp dịch vụ cho thuê	11.212.808.989	9.924.989.377
Dự phòng hàng tồn kho	(192.181.615)	558.993.306
	<hr/> 119.022.332.926	<hr/> 132.982.602.008

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.870.962.287	2.394.260.335
Thu nhập từ cổ tức	-	552.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	42.358.343
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.958.679	4.896.154
	<hr/> 1.879.920.966	<hr/> 2.994.014.832 <hr/>

30. Chi phí hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay từ các khoản vay	26.424.107.506	24.362.739.305
Chi phí lãi vay từ thuê tài chính	16.890.763.183	16.158.150.632
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	26.435.055	9.163.806
	<hr/> 43.341.305.744	<hr/> 40.530.053.743 <hr/>

31. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuê đất	27.239.215.868	25.306.139.782
Chi phí nhân viên	16.677.491.040	14.713.931.884
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	3.279.064.201	4.844.806.095
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.598.652.933	1.601.699.551
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	865.909.133	1.751.782.336
Chi phí bán hàng khác	3.053.565.446	1.717.696.300
	<hr/> 52.713.898.621	<hr/> 49.936.055.948 <hr/>

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	12.243.550.578	8.287.110.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.354.116.969	7.343.328.269
Chi phí khấu hao	1.187.572.755	1.180.382.494
Chi phí thuê đất	303.499.901	518.131.565
Chi phí quản lý khác	2.744.599.295	4.324.342.219
	20.833.339.498	21.653.295.474

33. Thu nhập khác

	2025 VND	2024 VND
Bồi thường bảo hiểm	257.000.674	-
Thu từ hợp tác kinh doanh	-	1.314.349.545
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	895.436.818
Hỗ trợ tiếp thị	-	223.085.965
Thu nhập khác	339.509.167	357.408.891
	596.509.841	2.790.281.219

34. Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư trong thời gian không sử dụng	4.306.264.171	5.397.542.848
Phân bổ chi phí thuê đất	3.145.891.995	1.238.817.364
Tiền phạt	388.170.097	369.270.875
Chi phí thuê đất cho hợp tác kinh doanh	-	1.314.349.545
Chi phí khác	354.579.562	2.310.149.755
	8.194.905.825	10.630.130.387

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	84,935,916,251	98.817.386.089
Chi phí nhân công và nhân viên	45,873,690,298	39.680.057.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38,869,240,827	43.248.783.841
Chi phí khấu hao	21,417,219,502	21.324.155.701
Chi phí khác	6,229,503,546	6.899.113.024

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lỗ kế toán trước thuế	(81.198.671.077)	(66.669.493.694)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(16.239.734.215)	(13.333.898.739)
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.225.322.537	9.986.563.064
Thu nhập không bị tính thuế	-	(110.500.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	5.177.425.095	2.373.084.068
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(836.986.583)	(1.084.751.607)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Lỗ tính thuế	189.173.975.660	37.834.795.132	163.286.850.183	32.657.370.037

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế sẽ hết hiệu lực vào những năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2026	Chưa quyết toán	32.262.290.937
2027	Chưa quyết toán	41.655.378.480
2028	Chưa quyết toán	77.503.760.429
2029	Chưa quyết toán	11.865.420.337
2030	Chưa quyết toán	25.887.125.477
		189.173.975.660

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế vì không chắc chắn sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích từ đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa trên số lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(80.361.684.494)	(65.584.742.087)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 8.477.640 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm	933.505.516	1.263.381.488
Doanh thu cho thuê	380.218.894	10.091.043.011
Các khoản vay được giải ngân	20.000.000	-
Chi phí lãi vay	26.424.107.506	24.362.739.305
Chuyển từ lãi phải trả sang vay ngắn hạn	25.551.553.817	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh		
Bán thành phẩm	38.263.641	38.481.822
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi		
Bán thành phẩm	21.327.272	16.118.182
Mua nguyên vật liệu	-	167.946.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Bán thành phẩm	92.230.976	129.354.207
Doanh thu khác	-	7.592.739
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Bán thành phẩm	49.820.135	32.015.692
Mua hàng hóa	48.302.000	187.800.000
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	-	8.538.386.536
F&N Global Marketing Pte. Ltd		
Nhận hỗ trợ tiếp thị	-	223.085.965
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh		
Bán thành phẩm	28.241.838	34.227.371
Chi phí mua dịch vụ quản lý xây dựng	975.000.000	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Bán thành phẩm	666.366.739	988.220.945
Mua hàng hóa	186.168.049	-

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Bán thành phẩm	78.229.242	157.283.842
Doanh thu khác	-	28.585.360
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Bán thành phẩm	67.300.000	100.230.510
Doanh thu khác	-	11.222.532
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Bán thành phẩm	196.116.162	248.436.466
Thu nhập cho thuê	-	390.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Bán thành phẩm	218.804.207	184.719.851
Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Bán thành phẩm	24.981.482	33.018.106
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Bán thành phẩm	44.333.333	102.667.587
Doanh thu khác	-	6.010.611
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Bán thành phẩm	73.198.148	108.702.027
Doanh thu khác	-	15.338.495
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Bán thành phẩm	102.033.333	110.236.873
Doanh thu khác	-	6.991.781
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán thành phẩm	252.093.837	347.387.031
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Bán thành phẩm	2.046.296	5.927.259
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán hàng hóa	22.881.848	763.636
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán thành phẩm	50.834.260	62.501.032
Doanh thu khác	-	5.940.920

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán thành phẩm	-	100.288.506
Doanh thu khác	-	10.156.802
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán thành phẩm	64.807.408	80.203.039
Doanh thu khác	-	8.573.450
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán thành phẩm	94.707.568	145.713.277
Mua hàng hóa	-	151.006.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán hàng hóa	-	73.118.058
Doanh thu khác	-	3.866.870
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán thành phẩm	38.778.704	55.148.772
Mua dịch vụ	-	4.871.900
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán thành phẩm	133.527.777	192.552.294
Doanh thu khác	-	15.520.566
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô		
Cổ tức nhận được	-	552.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Bán thành phẩm	149.535.354	208.098.061
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Bán thành phẩm	137.046.296	172.293.648
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán thành phẩm	64.162.037	87.442.606
Doanh thu khác	-	11.121.906
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng		
Bán thành phẩm	60.611.111	88.698.909
Doanh thu khác	-	231.481

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Bán thành phẩm	111.844.922	153.594.163
Mua hàng hóa	-	13.325.000
Mua dịch vụ	555.353.000	1.412.678.800
Mua tài sản cố định	485.825.000	-
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	63.700.000	124.670.000
Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam		
Doanh thu khác	-	183.889.993
Mua nguyên vật liệu	27.898.861.546	61.502.256.462
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tình Malaya Việt Nam		
Mua hàng hóa	1.291.308.480	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán thành phẩm	69.027.778	93.366.679
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán thành phẩm	1.145.458	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch	130.000.000	130.000.000
Ông Trần Đức Hòa – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Đặng Trung Kiên – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Lê Tuấn – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Tổng thu nhập</i>		
Ông Nguyễn Phước Thoại – Trưởng ban Kiểm soát	434.472.942	409.859.825
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Thành viên Ban Điều hành		
Tổng thu nhập	1.575.186.519	775.297.267

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2025 VND	2024 VND
Xây dựng cơ bản dở dang phát sinh nhưng chưa thanh toán	37.526.735.261	38.321.064.821

40. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 27 tháng 2 năm 2026, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chuyển nhượng Dự án Đầu tư Nhà máy Nước giải khát Nhơn Trạch 3 và các tài sản liên quan, đại diện cho mảng kinh doanh sản phẩm nước giải khát của Công ty, cho một đối tác phù hợp. Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban lãnh đạo Công ty đang trong quá trình xem xét các đề nghị từ một số bên quan tâm.

41. Thông tin so sánh

Các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 6 tháng 4 năm 2026

Người lập:


Bùi Thị Kim Chi
Người phụ trách Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Thủy Phương
Giám đốc